

Lược Sử Đức Phật A Di Đà và 48 Đại Nguyện

Đức Phật A Di Đà, kiếp trước là con của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Ngài nhờ công đức thường giảng kinh Pháp Hoa cho chúng sinh nghe, nên thành Phật hiệu là A Di Đà, ở cõi Tây phương Cực lạc

A. Mở đề:

Cây có cội, nước có nguồn. Phật tử chúng ta phần nhiều tu pháp môn niệm Phật để cầu sanh về Tịnh độ (Cực lạc), thì phải hiểu biết lịch sử của Đức Phật A Di Đà thế nào, và 48 lời nguyện ra sao. Đức Phật A Di Đà có công đức rất lớn và hạnh nguyện rất quảng đại. Ngài có nhân duyên hóa độ chúng sanh ở thế giới Ta-Bà này rất nhiều.

Muốn cho chúng sanh cõi này vượt khỏi kiếp lầm than của những cái khổ, sanh, già, bệnh, chết, nên Đức Phật Thích Ca nói rõ nhân địa hạnh nguyện của Phật A Di Đà và khai thị pháp môn Tịnh độ tu hành rất dễ dàng. Từ thượng lưu trí thức đến hạng dân thường, nếu ai chuyên tu, cũng đều được vãng sanh cả.

B. Chánh đề:

I. Giải nghĩa danh Hiệu "A DI ĐÀ"

A Di Đà là dịch âm chữ Amita. Hán dịch nghĩa là Vô lượng Thọ và Vô lượng Quang. Vô lượng Thọ nghĩa là tuổi sống lâu không có số lượng; Vô lượng Quang, là Ngài có hào quang sáng suốt không lường.

II. Lược sử tu Nhân và chứng quả của Đức Phật A Di Đà

Chỗ nhân địa của Đức Phật A Di Đà ở kiếp trước rất nhiều, không thể kể xiết, nay lược nói 4 kiếp như sau:

1. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở phẩm thí dụ, hóa thành có chép:

"Đức Phật A Di Đà, kiếp trước là con của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Ngài nhờ công đức thường giảng kinh Pháp Hoa cho chúng sinh nghe, nên thành Phật hiệu là A Di Đà, ở cõi Tây phương Cực lạc".

2. Kinh Quán Phật Tam - Muội - Hải chép:

"Đời quá khứ Ngài làm Tỳ kheo, chăm lòng kính lễ quán tượng tướng lông mày trắng của Đức Phật Không Vương, nên được thọ ký là Phật hiệu là A Di Đà".

3. Kinh Bi Hoa chép:

Đời quá khứ hằng hà sa kiếp trước, Ngài là vua Chuyển Luân tên là Vô Tránh Niệm. Ngài có một quan Đại thần tên là Bảo Hải, rất giàu lòng tin ngưỡng. Một hôm vua nghe Đức Phật Bảo Tạng đến thuyết pháp tại vườn Diêm Phù ở gần bên thành, Ngài với quan Đại thần Bảo Hải liền đến nghe và rất hài lòng. Vua pháp tâm thỉnh Phật và đại chúng vào vương cung cúng dường trọn ba tháng để cầu phúc báu.

Đức Phật khuyên vua nên phát Bồ đề tâm cầu đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Khi đó Đức Phật Bảo Tạng liền phóng hào quang sáng ngời, soi khắp cả thế giới của như Phật mười phương, cho chúng hội đồng

thấy. Bảo Hải đại thần liền tâu với vua Vô Trách Niêm: "Nay Bệ hạ nhờ oai thần của Phật, được thấy các thế giới, vậy Bệ hạ muốn cầu lấy thế giới nào?".

Vua đánh lễ Phật, quỳ gối chấp tay phát lời đại nguyện, cầu xin sau khi tu hành thành Phật, quốc độ và nhân dân của Ngài, đều được trang nghiêm thanh tịnh. Do nhân duyên ấy, sau Ngài thành Phật hiệu là A Di Đà ở cõi Tây phương Cực lạc.

4. Phật Thích Ca nói:

"Đời quá khứ lâu xa, cách hơn 10 kiếp, có một nước tên là Diệu Hỷ, vua cha là Nguyệt Thượng Luân Vương, mẹ là Thù Thắng Diệu Nhan. Vương hậu sanh ra ba người con: người con trưởng là Nhật Nguyệt Minh, người con thứ hai là Kiều Thi Ca, người con thứ ba là Nhật Đế Chúng. Khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là Thế Tụ Tại Vương Như Lai. Kiều Thi Ca bỏ ngôi vinh quý theo Phật Thế Tụ Tại xuất gia, thọ Kỳ kheo giới, Phật cho hiệu là Pháp Tạng Tỳ kheo. Ngài Pháp Tạng đối trước Phật, pháp 48 lời nguyện rộng lớn, độ khắp tất cả mười phương chúng sanh; nếu có một nguyện nào chẳng viên mãn, thì Ngài sẽ chẳng thành Phật. Khi ấy chư thiên rải hoa, tán thán, quả đất rung động, giữa không trung có tiếng khen rằng:

"Pháp Tạng quyết định sẽ thành Phật hiệu là A Di Đà".

Như thế, chúng ta biết rằng, Đức Phật A Di Đà tiền thân là Thái tử Kiều Thi Ca, bỏ ngôi sang, xuất gia tu chứng thành quả Phật là A Di Đà.



Đức Phật A Di Đà

III. 48 Đại nguyện của Đức Phật A Di Đà

Nguyện thứ 1: Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi, có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 2: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, sau khi thọ chung, còn trở lại sa vào ba ác đạo, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 3: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, thân chẳng màu vàng tất cả, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 4: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, thân hình có kẻ tốt người xấu chẳng đồng nhau, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 5: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi chẳng có Túc mạng thông, ít nhất là biết rõ những việc trăm nghìn ức na-do-tha kiếp (vô số kiếp) thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 6: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, chẳng đặng Thiên nhãn thông, ít nhất là thấy rõ trăm nghìn ức na-do-tha thế giới của chư Phật, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 7: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, chẳng đặng Thiên nhĩ thông, ít nhất là nghe và thọ trì tất cả lời thuyết pháp của trăm nghìn ức na-do-tha Đức Phật, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 8: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi chẳng được Tha tâm thông, ít nhất là biết rõ những tâm niệm của tất cả chúng sanh, trong trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 9: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, chẳng đặng Thần túc thông, khoảng một niệm, ít nhất là đi qua khỏi trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 10: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, còn có quan niệm tham chấp lấy thân, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 11: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhân thiên trong cõi nước tôi, chẳng trụ định tu, nhẫn đến trọn diệt độ, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyện thứ 12: Lúc tôi thành Phật, nếu quang minh còn hữu hạn, ít nhất cũng chiếu thấu trăm nghìn na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 13: Lúc tôi thành Phật, nếu thọ mạng còn hữu hạn, ít nhất cũng đến trăm nghìn ức na-do-tha kiếp, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyện thứ 14: Lúc tôi thành Phật, chúng Thanh văn trong cõi nước tôi, nếu có ai tính đếm biết được số bao nhiêu, dầu đó là vô lượng Bích Chi Phật đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 15: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, thọ mạng còn hữu hạn, trừ người có bốn nguyện riêng, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 16: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, còn có người nghe danh từ bất thiện thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 17: Lúc tôi thành Phật, nếu vô lượng chư Phật thập phương thế giới, chẳng đều ngợi khen xưng danh hiệu tôi, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 18: Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín mộ, muốn sanh về cõi nước tôi, nhĩn đến 10 niệm, nếu không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chính giác; trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch, cùng hủy báng Chính pháp.

Nguyện thứ 19: Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh pháp Bồ đề tâm, tu các công đức, nguyện sanh về cõi nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện thân trước người đó, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 20: Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chuyên nhớ cõi nước tôi, và tu các công đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về cõi nước tôi, nếu chẳng được toại nguyện, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 21: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, tất cả chẳng đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 22: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác siinh về nước tôi, cứu cánh đều quyết đến bậc Nhất sinh bổ xứ,

trừ người có bốn nguyện riêng, tự tại hóa hiện, vì chúng sinh mà phát hoằng thế nguyện, tu các công đức, độ thoát mọi loài, đi khắp thế giới, tu Bồ tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sinh, làm cho tất cả đều đứng vững nơi đạo vô thượng chánh giác, siêu xuất công hạnh của các bậc thông thường, hiện tiền tu tập Đại nguyện của Phổ Hiền, nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 23: Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát trong cõi nước tôi, thừa thần lực của Phật, mà đi cúng dường thập phương chư Phật, trong khoảng thời gian một bữa ăn, nếu không đến khắp vô lượng vô số ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 24: Lúc tôi thành Phật, các Bồ tát trong cõi nước tôi, khi ở trước thập phương chư Phật, hiện công đức của mình, muốn có những vật cúng dường, nếu không được đúng như ý muốn, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyện thứ 25: Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát trong cõi nước tôi, không được Nhất thế trí, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 26: Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát trong cõi nước tôi, chẳng đều được thân kim cương Na-la-diên, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 27: Lúc tôi thành Phật, thì trong cõi nước tôi, tất cả đồ dùng của nhân thiên, hình sắc đều sáng đẹp sạch sẽ, rất tốt vi diệu, không có thể tính biết, dầu là người được thiên nhãn. Nếu có người biết danh số các đồ vật ấy được rõ ràng, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyệt thứ 28: Lúc tôi thành Phật, nếu Bồ tát trong cõi nước tôi, dầu là người ít công đức nhất, chẳng thấy biết được cội cây đạo tràng cao bốn trăm muôn do-tuần, vô lượng quang sắc, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyệt thứ 29: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong cõi nước tôi, nếu thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh pháp mà chẳng được trí tuệ biện tài, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyệt thứ 30: Lúc tôi thành Phật, nếu có ai hạn lượng được trí tuệ biện tài của Bồ tát trong cõi nước tôi, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyệt thứ 31: Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi thanh tịnh, các nơi đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất tư nghị thế giới ở mười phương, như là thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng được như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyệt thứ 32: Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi từ mặt đất tràn lên đến hư không, lầu nhà cung điện ao nước hoa cây, tất cả vạn vật đều là vô lượng chất báu và trăm nghìn thứ hương, hiệp chung lại mà thành; vạn vật đều xinh đẹp kỳ diệu, mùi thơm xông khắp thập phương thế giới. Bồ tát các nơi gửi đến mùi thơm ấy, thời đều tu hạnh của Phật. Nếu chẳng như thế, tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyệt thứ 33: Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, được quang minh của tôi chiếu đến thân tâm họ, thời thân tâm họ mềm dịu nhẹ nhàng hơn thiên nhơn, nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 34: Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, nghe danh hiệu của tôi mà không được vô sanh pháp nhẫn, cùng các môn thâm-tổng-trì, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 35: Lúc tôi thành Phật, các người nữ trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm, nhằm ghét thân gái. Nếu sau khi mạng chung mà còn làm thân người nữ nữa, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyện thứ 36: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, nghe danh hiệu tôi, vẫn thường tu phạm hạnh, mãi đến thành Phật. Nếu chẳng được như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 37: Lúc tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, nghe danh hiệu tôi, cuối đầu đánh lễ, nếm vóc gieo xuống đất, vui mừng tin mến tu Bồ Tát hạnh, thời chư Thiên và người đời đều kính trọng người đó. Nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác

Nguyện thứ 38: Lúc tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi muốn có y phục, thời y phục tốt đúng pháp liền theo tâm niệm của người đó mà đến trên thân. Nếu còn phải cắt may nhuộm giặt, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 39: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, hưởng thọ sự vui sướng không như vị Lưu tậ Tỳ-kheo, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 40: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng thế giới nghiêm tịnh của chư Phật ở mười phương, thời liền được thấy rõ cả nơi trong cây

báu, đúng theo ý muốn, như thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 41: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, từ đó nhẫn đến lúc thành Phật, mà các căn còn thiếu xấu, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 42: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát, ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, thấy đều được giải thoát tam muội. Trụ tam muội đó, trong khoảng thời gian một niệm, cúng dường vô lượng bất tư nghị chư Phật Thế Tôn, mà vẫn không mất chánh niệm. Nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 43: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung thác sanh nhà Tôn quý, nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 44: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi vui mừng hơn hờ, tu Bồ Tát hạnh, trọn đủ công đức, nếu chẳng như thế, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 45: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi, đều đặng Phổ đặng tam muội, trụ tam muội này mãi đến lúc thành Phật, thường được thấy vô lượng bất tư nghị tất cả chư Phật. Nếu chẳng như thế thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 46: Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở trong cõi nước tôi, muốn nghe pháp gì, thời liền tự nhiên đặng nghe pháp ấy. Nếu chẳng như thế thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 47: Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát ở thế giới phương khác, nghe danh hiệu tôi mà chẳng được đến bậc bất thối chuyển, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

Nguyện thứ 48: Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, mà chẳng liền được Đệ nhất âm hưởng nhẫn, ở nơi Phật pháp chẳng liền được bậc bất thối chuyển, thời tôi không ở ngôi Chính giác.

C. Kết luận

Nói tóm lại, lịch sử Đức Phật A Di Đà với 48 đại nguyện. Công đức của Phật A Di Đà rất rộng lớn, là do lòng đại bi đại nguyện lợi tha. Ngài đành bỏ tất cả ngôi sang cao quý, nguyện tu hành khi thành Phật, ở trên một cảnh giới huy hoàng trang nghiêm, để tiếp độ chúng sinh. Trải qua một thời gian được kết quả, y báo, chánh báo xuất hiện rực rỡ như lời Ngài đã thệ nguyện.

Phật tử chúng ta, từ hồi nào đến bây giờ, biết niệm danh hiệu Phật A Di Đà, biết được pháp môn niệm Phật cầu sinh Cực lạc (Tịnh độ) là nhờ đức Phật Thích Ca ta chỉ dạy.

Vậy xin khuyên tất cả Phật tử, noi theo gương đại nguyện của Phật A Di Đà, nên phát tâm thệ nguyện rộng lớn, cầu khi lâm chung sinh về Cực lạc, hóa sinh từ hóa sen, tu chứng lên bậc Bất thối, rồi trở lại cõi Ta Bà hóa độ bà con quyến thuộc và tất cả chúng sinh tu hành, đồng thành Phật đạo.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa